

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P6+BK21	7:25	17+1+1	0+0+0		8+10+4	0+0+0	chuyen 1 td1- p6, 1 td1- bk21chuyen 1 p6-bk21
2		P5+P4+PPD	7:25	8+5+9	0+0+0		7+5+10	0+0+0	chuyen 1 p4- ppd
3		P2+RP3	7:25	11+11	0+0		5+17	0+0	
4		P10+P4+TD1	9:25	1+16+2	0+0+0		1+9+12	0+0+0	
5		C10+TD1+MRM	9:25	22+0+0	0+0+0		15+0+4	0+0+0	chuyen 3 td1- mrm
6		BK8+PPD	9:25	2+18	0+0		3+19	0+0	chuyen 1 bk8- ppd
7		AMD+P8+P2	11:25	5+1+16	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
8		MRM+RP3	11:25	7+14	0+0		0+22	0+0	
9		MRM+P2	13:25	21+0	0+0		9+12	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2022	TO: TD1 - P6 - BK21	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - dũng	ETA: 09:20
vang-1 A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STESHIN VALERIY	TD1	16	1	12		163	KHOAN	Russian
2	NGUYEN HUU LONG	TD1	03	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN BAO	TD1	12	1	9		83	KHOAN	Vietnamese
4	DUONG PHAT	TD1	15	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
5	HA MINH TUAN	TD1	10	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN KIEN	TD1	05	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	VU TU NAM	TD1	08	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM DOI	TD1	02	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	14	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	13	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN DAT	TD1	09	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH VĂN ĐIÊN	TD1	07	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOAN VĂN KHÁNH	TD1	11	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NAM	TD1					74	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM ĐANG NINH	TD1	06	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN MANH	TD1	04	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC BÌNH	TD1	17-18	2	15		85	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN MANH	BK21				70	59	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	17	108	1.303	0	8 + 2		chuyen 1 pax TD1 sang P6
2	P6	0	0	0	0	0	10 + 1		chuyen 1 pax P6 sang BK21
3	BK21	1	0	0	59	70	4		chuyen 1 pax TD1 sang BK21
TOTAL		18	17	108	1.362	70	22		
WEIGHT KG				108	1.362	70			

GRAND TOAL: 1.540 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: P5 - P4 - PPD	CREW: HUNG - Dương - QTrưởng	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VŨ TIÊN	P5	75	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
2	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	P5	71	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
3	HUYNH ĐỨC TÂM	P5	74	1	10	30	65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SON	P5	66-67	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LE HONG HAN	P5	66	1	18		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN DINH TUAN	P5	64-65	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
7	HOA QUANG THANG	P5	72-73	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN ĐÌNH DỤNG	P5	69-70	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRƯƠNG THANH GIAP	P4	84	1	7		72	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	79-80	2	17		72	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HA	P4	83	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	82	1	5		55	KHI	Vietnamese
13	BUI ĐĂNG TIEN	P4	81	1	5		50	KHI	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	03	1	6		87	KHI	Vietnamese
15	TRẦN SƠN NAM	PPD	04	1	5	70	82	KHI	Vietnamese
16	VŨ QUANG ĐẠT	PPD	01	1	7		56	KHI	Vietnamese
17	DUONG VAN DONG	PPD	13-14	2	10		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	08	1	5		65	KHI	Vietnamese
19	LE HONG PHONG	PPD	05	1	8		80	KHI	Vietnamese
20	NGHIEM XUAN MINH	PPD	02	1	5		60	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN TRUONG SON	PPD	06	1	5		58	KHI	Vietnamese
22	BUI NGOC HUONG	PPD	07	1	6		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	8	12	107	547	30	7		CHUYEN 01 PAX TU P4 SANG PPD
2	P4	5	6	38	319	0	5	1	
3	PPD	9	10	57	620	70	10		
TOTAL		22	28	202	1.486	100	22		
WEIGHT KG				202	1.486	100			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2022	TO: P2 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Anh - N.Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH VAN THUAN	P2	94-95	2	16		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN QUAN	P2	96	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
3	LUONG DUC GIANG	P2	97	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN MANH HUNG	P2	98	1	11	65	75	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG TRONG PHUC	P2	99	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
6	TRUONG DUC MANH	P2	35-36	2	19		79	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO DINH NHAT MINH	P2	31-32	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN KHANH HUNG	P2	33-34	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN THANH HAI	P2	37,4000	2	16		74	NHATHAU	Vietnamese
10	VU ANH TUAN	P2	36,38-39	3	17		64	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYEN VIET DAI	P2	37-38	2	11		74	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN CHINH THI	RP3	98	1	2		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG NAM	RP3	96	1	5		80	KHI	Vietnamese
14	LE DUC VIET	RP3	90	1	3		74	KHI	Vietnamese
15	BUI VAN PHU	RP3	99	1	2	40	70	KHI	Vietnamese
16	LE HOANG ANH	RP3	92	1	5		69	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HA	RP3	97	1	5		79	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	95	1	7		80	KHI	Vietnamese
19	TRINH QUANG HUY	RP3					72	KHI	Vietnamese
20	LE XUAN HIEN	RP3	94	1	5		75	KHI	Vietnamese
21	PHAM VAN THIET	RP3	91	1	3		65	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	93	1	3		62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

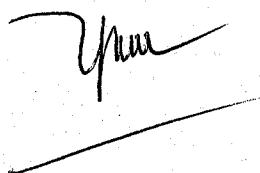
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	11	19	144	800	65	5		
2	RP3	11	10	40	801	40	17		
TOTAL		22	29	184	1.601	105	22		
WEIGHT KG				184	1.601	105			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

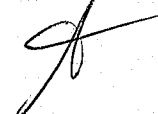
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: P10 - P4 - TD1	CREW: HUNG - Dương - QTrương	ETA: 11:10
XANH-2			

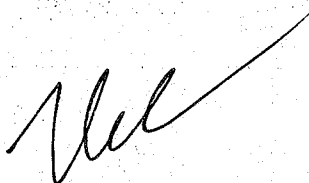
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN ĐĂNG TUÂN	P10	41	1	13	40	68	DVL	Vietnamese
2	HOANG VAN HUNG	P4					65	KHI	Vietnamese
3	TẠ VĂN QUYNH	P4					70	KHI	Vietnamese
4	HOANG TRỌNG TÂN	P4	78	1	6		76	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ANH	P4	74	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	72	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	PHẠM HỮU THO	P4	76	1	8	30	65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	73	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	71	1	3		82	KHI	Vietnamese
10	LÊ TRUNG LÂM	P4	70	1	3		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VŨ	P4	67	1	12		70	KHI	Vietnamese
12	TRẦN BA THƯƠNG	P4	64-65	2	12		65	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NAM	P4	66	1	5		68	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	75	1	5		78	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	77	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	LÊ NGỌC LUÂN	TD1	19	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	01	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	1	1	13	68	40	1		
2	P4	14	13	74	986	30	9		
3	TD1	2	2	18	135	0	12		
TOTAL		17	16	105	1.189	70	22		
WEIGHT KG				105	1.189	70			

GRAND TOAL: 1.364 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2022	TO: CLO - TD1 - MRM	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - đũng	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VLASOV ALEKSANDR	CLO	87	1	4		102	KHOAN	Russian
2	ĐO NGOC HOAN	CLO	85	1	6		89	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ THANH THAI	CLO	91-92	2	18		105	KHOAN	Vietnamese
4	QUACH THE ANH	CLO	89	1	12		69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH HOAN	CLO	07	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG DUY LY	CLO	05	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHON	CLO	96	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN SANG	CLO	08	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHI NGHIEP	CLO	82	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN SI LONG	CLO	86	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN TUÂN	CLO	06	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐOÀN SỰ	CLO	88	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
13	TU QUỐC VIỆT	CLO	93	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
14	LÂM XUÂN TỬ	CLO	03	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	94	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN PHU VINH	CLO	09	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
17	VƯƠNG NGOC HOAN	CLO	95	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
18	VU HAI LONG	CLO	04	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG MINH SON	CLO	97	1	12		76	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU TUYEN	CLO	83	1	13		60	DVL	Vietnamese
21	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	84	1	12	10	58	DVL	Vietnamese
22	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	CLO	90	1	12		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

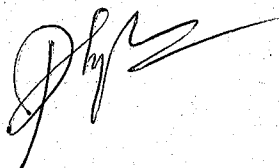
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	23	169	1.577	10	15		CHUYEN 3 PAX TD1-MRM
2	TD1	0	0	0	0	10	0	+3	
3	MRM	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	169	1.577	20	19		
WEIGHT KG				169	1.577	20			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2022	TO: BK8 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - Dũng	ETA: 13:35
TRANG-3			

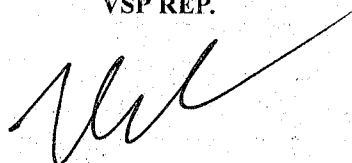
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TAT HOA	BK8	03	1	5	55	77	KH-THAC	Vietnamese
2	LE NGOC SON	PPD	32	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG GIA TRI	PPD	34	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LE HUY VINH	PPD	33	1	5		63	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	31	1	3		67	KHI	Vietnamese
6	CHU MINH PHUONG	PPD	26	1	7		93	KHI	Vietnamese
7	HA THE BAO	PPD					80	KHI	Vietnamese
8	ĐANG PHUC THANG	PPD	25	1	7		92	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	27	1	5		55	KHI	Vietnamese
10	ĐANG VAN BAN	PPD	30	1	5		78	KHI	Vietnamese
11	TRAN HOANG CHUONG	PPD	43	1	5		62	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HA	PPD	37	1	3		55	KHI	Vietnamese
13	HOANG NGUYEN HUY NGUYEN	PPD	35-36	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH HOANG THEM	PPD	28	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	LE HUY CHUONG	PPD	40	1	8		59	KHI	Vietnamese
16	LE HUU TU	PPD	29	1	5	20	66	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VU HUNG	PPD	41	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN HUY HOANG	PPD	42	1	15	45	80	CODIEN	Vietnamese
19	HOANG VAN DOANH	PPD	38-39	2	6		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

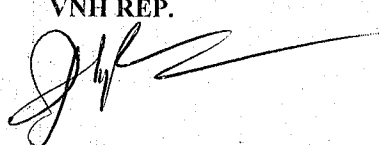
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	1	1	5	77	55	3+1		CHUYEN 1 PAX BK8-PPD
2	PPD	18	19	117	1.274	65	19		
TOTAL		19	20	122	1.351	120	22		
WEIGHT KG				122	1.351	120			

GRAND TOAL: 1.593 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	TO: AMD - P8 - P2	CREW: TUYỀN - CHIẾN - Vũ	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO ĐỨC CUÔNG	AMD	21,23	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
2	DAVID JAMES CLARK	AMD	20	1	10	30	115	BAB	British
3	PHẠM THAI SƠN	AMD	26-27	2	15		56	XNCĐ	Vietnamese
4	HỒ CHIẾN THẮNG	AMD	24	1	6		58	XNCĐ	Vietnamese
5	ĐỖ DUY TIỀN	AMD	25	1	13		65	XNCĐ	Vietnamese
6	PHẠM PHI LONG	P8	20	1	5		72	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TIỀN SỸ	P2	49-50	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HỒ VĂN DUYỆT	P2	43-44	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN TỰ	P2	41-42	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN BA ĐIẾP	P2	45-46	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN CHINH	P2	44	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG VINH	P2	45-46	2	13		78	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐINH QUANG DŨNG	P2	47	1	3	20	65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH ĐÔNG	P2	48	1	3		58	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	51	1	5		50	PSV	Vietnamese
16	MAI VĂN VINH	P2	50	1	6		65	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN ĐAM	P2	43	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	LÊ MINH KHÁNH	P2	58-59	2	13		95	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN QUY DŨNG	P2	40	1	15	33	60	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ CONG BANG	P2	51-53	3	18		65	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN VAN HONG	P2	49	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	5	7	55	366	30	0		
2	P8	1	1	5	72	0	4		
3	P2	15	23	176	1.019	53	18		
TOTAL		21	31	236	1.457	83	22		
WEIGHT KG				236	1.457	83			

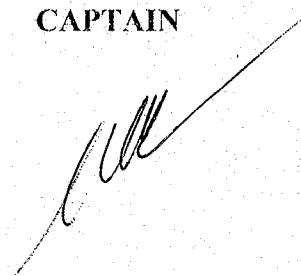
GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2022	TO: MRM - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - đưng	ETA: 13:20
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TIKHONOV EVGENII	MRM	25	1	7		100	AMNGR	Russian
2	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	95	1	13		86	AMNGR	Russian
3	MOLODYH MIKHAIL	MRM	24	1	6		78	AMNGR	Russian
4	YAMASHEV ALBERT	MRM	21	1	6		78	AMNGR	Russian
5	LYMAR OLEG	MRM	19-20	2	12		73	AMNGR	Russian
6	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	17-18	2	20		87	AMNGR	Russian
7	DIACHUK DMITRII	MRM	22-23	2	7		65	AMNGR	Russian
8	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	69	1	8		70	KHI	Vietnamese
9	PHAM HONG LINH	RP3	70	1	3		79	KHI	Vietnamese
10	KHONG TIEN DUNG	RP3	75	1	7		76	KHI	Vietnamese
11	HOANG VAN CHUONG	RP3	78-79	2	10		68	KHI	Vietnamese
12	DO TRUNG THONG	RP3	80-81	2	7		69	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN PHAM TUAN ANH	RP3	65	1	5		57	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NAM	RP3	77	1	14		70	DVL	Vietnamese
15	MESHKOV M.Y	RP3	82-83	2	15		77	DVL	Russian
16	LE VAN BAO	RP3	72	1	10		60	DVL	Vietnamese
17	LE VAN THANG	RP3	71	1	13		73	DVL	Vietnamese
18	BAN PHUC LONG	RP3	73	1	12		68	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN VINH	RP3	74,76	2	13		90	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HAI TRUNG	RP3	66	1	3		53	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN MINH	RP3	64	1	7		78	PSV	Vietnamese
22	TRINH VAN KIEN***	RP3	67-68	2	13		58	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	10	71	567	0	0		
2	RP3	15	20	140	1.046	0	22		
TOTAL		22	30	211	1.613	0	22		
WEIGHT KG				211	1.613	0			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 09	TO: MRM - P2	CREW: TUYỀN - CHIẾN - Vũ	ETA: 14:30
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRITCENKO VLADIMIR	MRM	95-96	2	15		78	AMNGR	Russian
2	MOROZOV ANDREI	MRM	79	1	8		94	AMNGR	Russian
3	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	97-99	3	18		78	AMNGR	Russian
4	YOLTUKHOVSKII VALENTIN	MRM	94	1	8	20	104	AMNGR	Russian
5	PHAN HUY ĐẠO	MRM	73	1	10	20	57	CNTT	Vietnamese
6	ĐẠO ĐỨC MINH	MRM	76	1	10	20	77	CNTT	Vietnamese
7	TRẦN AN NHANH	MRM	800	1	14		61	HALLIBUR	Vietnamese
8	TRẦN HỮA TUÂN	MRM	15-16	2	20		66	HALLIBUR	Vietnamese
9	ALEXANDER POPOV	MRM	01-02	2	14		78	HALLIBUR	Russian
10	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	MRM	29	1	7		78	D-HANH	Vietnamese
11	EPEMEEBA E.H	MRM	04	1	10		94	KHOAN	Russian
12	SALIKHOV A.I.	MRM	05	1	14		88	KHOAN	Russian
13	NGUYỄN HOANG LONG	MRM	17-18	2	20	5	70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TRÍ	MRM	06	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
15	CHU ĐÌNH THANH	MRM	09	1	12		54	DVL	Vietnamese
16	LÊ THANH TÚ	MRM	07	1	12		73	DVL	Vietnamese
17	PHAN THANH TÀI	MRM	06	1	10		56	DVL	Vietnamese
18	TRẦN THAI AN	MRM	06	1	10		70	DVL	Vietnamese
19	ĐOÀN TRƯỞNG ANH	MRM	30,32	2	20		60	NIPI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	MRM	13-14	2	17		63	M-I	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	MRM	10-12	3	20		72	M-I	Vietnamese

FLIGHT PLAN

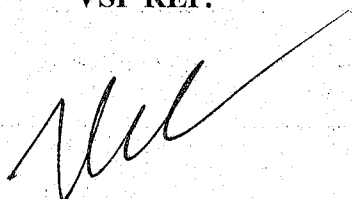
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	21	31	279	1.543	65	8		
2	P2	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		21	31	279	1.543	65	20		
WEIGHT KG				279	1.543	65			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P1+BK9	7:25	9+12+1	0+0+0		7+10+5	0+0+0	
2		CTK3+P4+AMD	7:25	11+11+0	0+0+0		4+14+4	0+0+0	
3		P7+TD2	9:25	7+15	0+0		2+20	0+0	
4		P3+P4	9:25	16+6	0+0		19+3	0+0	
5		HSD+AMD	11:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
6		TGTH4+P7	11:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
7		P3+P5	13:25	8+8	0+0		10+12	0+0	
8		P4+TD2+CTK3	13:25	13+7+2	0+0+0		8+5+9	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/Đi về trong ngày P1-3 ng, P5-4ng, P3-3ng, CTK3-8 ng; P9 đi về qua TD2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2022	TO: P5 - P1 - BK9	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHU - LHai - dũng	ETA: 09:15
CAM-1			

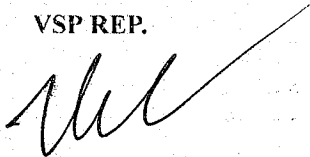
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUẤN VŨ	P5				10	58	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ MINH PHƯƠNG	P5	84	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ TIẾN	P5	80	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	P5					63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN TOÀN	P5	79	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	78	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	83	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔNG XUÂN SINH	P5	81	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	82	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TÙNG	P1	86	1	4	40	65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	91	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN TỰ	P1	084	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN KỶ TUẤN	P1	04	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN MẠNH	P1					78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU TÍNH	P1	82	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	85	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN THĂNG	P1	83	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HAI	P1	89-90	2	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P1	87-88	2	18		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	84	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ MINH HIẾU	P1	92-93	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK9	04	1	5	40	73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

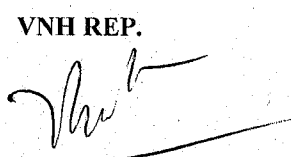
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	9	7	37	634	10	7		
2	P1	12	14	73	839	40	10		
3	BK9	1	1	5	73	40	5		
TOTAL		22	22	115	1.546	90	22		
WEIGHT KG				115	1.546	90			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

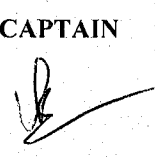
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: CTK3 - P4 - AMD	CREW: VThắng - N.Anh - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

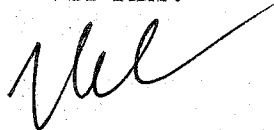
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TRUONG SON	CTK3	08	1	5		68	KIM THIEN	Vietnamese
2	DINH Y NHI	CTK3	09	1	5		58	KIM THIEN	Vietnamese
3	LE HONG DAI	CTK3	05	1	5	40	75	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN LAN HUONG	CTK3	12	1	10		58	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TRUNG	CTK3	11	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG DUONG	CTK3					70	D-HANH	Vietnamese
7	LE VAN CUONG	CTK3	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG VINH	CTK3				50	100	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUNG	CTK3	10	1	5		67	NIPI	Vietnamese
10	DINH HONG THANG	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese
11	LE VAN DUAN	CTK3	06	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	DO HUU NAM	P4	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VINH	P4	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	VU BAO AN	P4	59	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	DAO MINH TUAN	P4	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ANH DUC	P4	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN CHIEN	P4	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU HAU	P4	62	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	LE TAM THUY	P4	61	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH HAI	P4	56	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
21	SAGIROV M. S.	P4	34	1	7		70	KH-THAC	Russian
22	VLASOV A. M.	P4	35	1	5		90	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

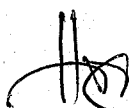
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	8	45	756	90	4	1	+1 NB CTK3 VE
2	P4	11	11	56	809	0	14		
3	AMD	0	0	0	0	50	4		
TOTAL		22	19	101	1.565	140	22		
WEIGHT KG				101	1.565	140			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2022	TO: P7 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:45
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHU - LHải - dững	ETA: 11:25
TRANG-2			

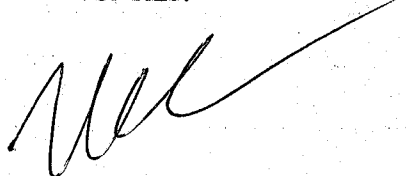
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THE DIEN	P7	40	1	13		68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG MANH CUONG	P7	42	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH VAN PHUONG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH TRONG	P7				2	71	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI VAN SON	P7	41	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TIEN HIEP	P7	39	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI CONG LAN	P7	38	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HONG MINH	TD2	29-30	2	17	80	74	PSV	Vietnamese
9	LE TRUNG SON	TD2	37	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
10	PHAM VAN HUNG	TD2					84	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN HUNG	TD2	39	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
12	TA HOAI TRANG	TD2	33	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
13	CAO DUC VIEN	TD2	28	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM THE CHUYEN	TD2	31	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TAI THUYET	TD2	32	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
16	ĐANG VAN ĐAO	TD2	41-42	2	16		62	KHOAN	Vietnamese
17	LE HAI SON	TD2	38	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
18	HO CHI CONG	TD2	40	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	VO SI HOAI THANH	TD2	34-36	3	20		62	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU TAI	TD2	43	1	2		79	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN PHONG	TD2					64	KHOAN	Vietnamese
22	GUSEINOV MAXIM	TD2	27	1	14		84	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

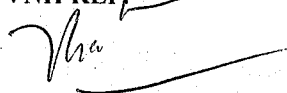
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	7	5	34	471	2	2		
2	TD2	15	17	107	1.085	80	20		
TOTAL		22	22	141	1.556	82	22		
WEIGHT KG				141	1.556	82			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

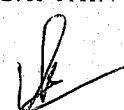
VSP REP.



VNH REP



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: P3 - P1	CREW: VThắng - N.Anh - Huy	ETA: 11:20
vang-2			

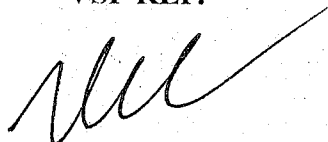
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NOVIKOV	P3	82	1	5		96	D-HANH	Russian
2	NGUYEN QUANG DIEN	P3					65	D-HANH	Vietnamese
3	TARGANOV	P3					88	D-HANH	Russian
4	LE KHAI DAT	P3	30-31	2	20		98	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM KHAC DOAN	P3				10	62	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGOC ANH CHIEN	P3	500	1	8	75	70	KH-THAC	Vietnamese
7	LUU VAN TUAN	P1	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI HUY NGHIEM	P1	50	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	HO HUU CHUNG	P1	98	1	8		52	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG PHUOC	P1	09	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐANG ĐỨC TOANH	P1	90	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH HAI	P1	10	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	VI KHAC THANH	P1	92-93	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG DUY KHUONG	P1	91	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN THUONG	P1	88	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
16	HO NGUYEN KHANH DUY	P1	36	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ QUANG ANH	P1	95	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN KY	P1	86	1	8		68	YTE	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THONG	P1	97	1	8		63	PSV	Vietnamese
20	PHAM PHU BINH	P1	99	1	10		65	PSV	Vietnamese
21	TÔ CÔNG MINH	P1	98	1	8		66	PSV	Vietnamese
22	CAO DANG PHONG	P1	96	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	6	4	33	479	85	3		
2	P1	16	17	115	1.097	0	19		
TOTAL		22	21	148	1.576	85	22		
WEIGHT KG				148	1.576	85			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	TO: HSD - AMD	CREW: TTrung - ĐNam - QTrưởng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC THU -	HSD	16	1	3	15	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG ĐỨC HUNG -	HSD	20	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHI CUÔNG -	HSD	17-18	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SONG ✓	HSD	19	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN HÓA -	AMD	27-28	2	5	80	71	PSV	Vietnamese
6	SHANKARAN KANASAN ~	AMD	21-22	2	15		86	BAB	Malaysian
7	PHẠM TUÂN HÀ -	AMD	32	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN AN -	AMD	17	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯỜNG THỂ HIỆN -	AMD	38	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ANH NGU -	AMD	20	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO BA THANH -	AMD	18	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỆN -	AMD	33	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC TÂM -	AMD	24	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THĂNG -	AMD	25	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO ĐỨC HUY -	AMD	23	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HOANG -	AMD	35-36	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
17	TẶNG VĂN BA ✓	AMD	34	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG KIẾN -	AMD	29	1	12		94	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG MẠNH PHU -	AMD	19	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO TRI HUNG -	AMD	26	1	15		64	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HIỆU THẢO -	AMD	37	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TUÂN THANH ✓	AMD	30-31	2	8		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

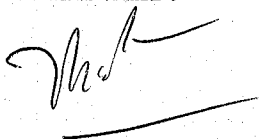
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	4	5	32	264	15	4		
2	AMD	18	22	164	1.304	80	18		
TOTAL		22	27	196	1.568	95	22		
WEIGHT KG				196	1.568	95			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

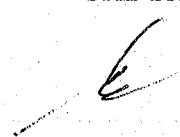
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2022	TO: TGTH4 - P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: VTHU - L Hải - dũng	ETA: 13:35
cam-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH4	03	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THÀNH DANH	TGTH4	01-02	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	04-05	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC SƠN	P7	57	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG NGHĨA	P7	61	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM ĐĂNG GIANG	P7	62	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG GIANG	P7	50	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN SÁCH ĐƠN	P7	55-56	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUÝ TÀI	P7	52	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
10	VU ĐÌNH QUANG	P7	60	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
11	VU XUÂN TAM	P7	44	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HỮU TRI	P7	45	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LỢI	P7	46-47	2	16		75	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH KIẾT	P7	65-66	2	20		70	XAY LAP	Vietnamese
15	VÔ TẠ HOAN	P7	63-64	2	10		60	XAY LAP	Vietnamese
16	ĐẠO TUẤN CHỦ	P7	48	1	10		68	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC CUÔNG	P7	59	1	4		65	PSV	Vietnamese
18	HOANG THẾ HÙNG	P7	53-54	2	15		73	PSV	Vietnamese
19	VU ĐÌNH TÚ	P7	51	1	10		58	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P7	58	1	10		78	PSV	Vietnamese
21	LÊ HỮU LONG	P7	49	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

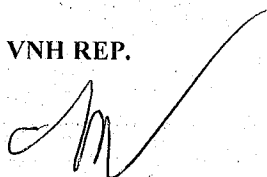
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	3	5	30	203	0	2		
2	P7	18	23	180	1.233	0	20		
TOTAL		21	28	210	1.436	0	22		
WEIGHT KG				210	1.436	0			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2022	TO: P3 - P5	AIRCRAFT: 416	ETD: 14:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LHải - VTHU - dũng	ETA: 15:40
trang-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	90	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
2	DANG HONG VIET	P3	88	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CHI BAO	P3	91	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CHI KIEN	P3	94	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIEN DAT	P3	92-93	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG VU THANG	P3	89	1	6		67	GETRACO	Vietnamese
7	ĐINH SONG HAI	P3	95-96	2	16		55	YTE	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	92	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	94	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LUƠNG VĂN THANH	P5	86-87	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	90	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CAO MẠNH	P5	91	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	93	1	9		70	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ KHÁC ĐA	P5	88	1	4		65	PSV	Vietnamese
15	ĐẠO XUÂN THANH	P5	89	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	7	9	66	471	0	10		
2	P5	8	9	44	547	0	12		
TOTAL		15	18	110	1.018	0	22		
WEIGHT KG				110	1.018	0			

GRAND TOAL: 1.128 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:00
FLIGHT: 08	TO: P4 - TD2 - CTK3	CREW: TTrung - ĐNam - QTrương	ETA: 15:40
VANG-4			

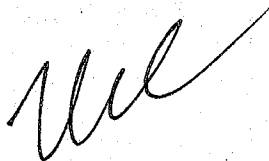
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM VAN PHUC	P4	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THUONG	P4	37	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG KHAC DU	P4	40	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG THANH	P4	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM XUAN HAI	P4	38	1	3	40	66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN CONG TINH	P4	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC HUNG	P4	39	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUNG BAY	P4	46	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU THANH	P4	48	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN HOANG SON	P4	41-42	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LE ANH THANG	P4	52	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DOAN BINH	P4	43-44	2	11		65	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN HUU TRIET	TD2	48	1	10		68	DVL	Vietnamese
14	HOANG MANH HUNG	TD2	68-69	2	10		85	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYEN HUU KHOA	TD2	70-71	2	5		55	GETRACO	Vietnamese
16	ĐAU VAN XUAN	TD2	52	1	3		63	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN PHU	TD2	50-51	2	8		85	KHOAN	Vietnamese
18	HÔ THANH QUANG	TD2	49	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CU	CTK3	15	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

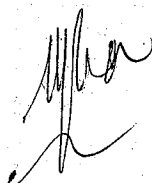
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	14	73	842	40	8		
2	TD2	6	9	44	436	0	4		
3	CTK3	1	1	6	70	0	10		
TOTAL		19	24	123	1.348	40	22		
WEIGHT KG				123	1.348	40			

GRAND TOAL: 1.511 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+BK3+RC6	7:25	21+0+1	0+0+0		20+0+0	0+0+0	chuyen 1 bk3 rc6
2		TTC2+PVD1+PVD6	7:25	6+13+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
3		TD5+PVD1+RP2	9:25	16+2+3	0+0+0		4+12+6	0+0+0	
4		PPD+MRM+AMD	9:25	5+10+0	0+0+0		7+7+5	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - BK3 - RC6	CREW: TUYỀN - Mạnh - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

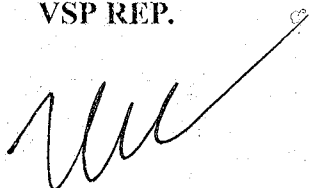
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAY MISSION	TD5	87-88	2	20		75	WEATHER	Filipino
2	NGUYEN VAN DIEN	TD5	93-94	2	20		58	WEATHER	Vietnamese
3	KHUC THAI HOA	TD5	89	1	9		68	DMC-MI	Vietnamese
4	VU THANH DUONG	TD5	81-82	2	15		84	D-HANH	Vietnamese
5	TRINH HOANG KHANH	TD5	97-98	2	9		90	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN HANH	TD5	84	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN BACH TUNG	TD5	79	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGO QUOC BAO	TD5	85	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TAT THANH	TD5	500	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
10	HO VAN TIEN	TD5	91	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN SY LE	TD5	99	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN DIU	TD5	90	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH CONG	TD5	92	1	9		81	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VIET DUNG	TD5	80	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TAN BINH	TD5	01	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
16	LUONG MINH PHUNG	TD5	95	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
17	DO VINH CUONG	TD5	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN DUNG	TD5	02	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
19	BUI VAN QUYET	TD5	96	1	15		89	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN SON HAI	TD5	100	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
21	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	83	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
22	DANG TUAN ANH	RC6	71	1	7	50	90	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

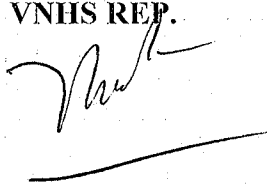
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	25	172	1.544	0	20		CHUYEN 1 PAX TU BK3 SANG RC6
2	BK3	0	0	0	0	20	0+1		
3	RC6	1	1	7	90	50	0		
TOTAL		22	26	179	1.634	70	20		
WEIGHT KG				179	1.634	70			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

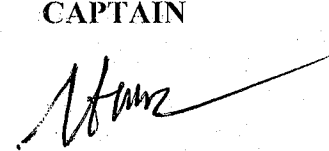
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2022	TO: TTC2 - PVD1 - PVD6	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Huy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAVTSOV ALEXANDR	TTC2	54	1	10		70	DVL	Russian
2	PHAM HAI LONG	TTC2	70	1	5		78	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC PHỤNG	TTC2	71-72	2	18		65	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VĂN TIẾP	TTC2	73-74	2	7		74	DVL	Vietnamese
5	LÊ HỮU NAM	TTC2	68-69	2	12		71	NHATHAU	Vietnamese
6	MOHAMAD JAMIL	TTC2	66-67	2	18		80	NHATHAU	Malaysian
7	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD1	51-52	2	18		120	PVD DD	American
8	NGUYỄN CÔNG CHÚC	PVD1	46	1	5		70	PVD DD	Vietnamese
9	VU VĂN TÀI	PVD1	57-58	2	10		70	VGCE	Vietnamese
10	TRƯƠNG CÔNG NHẬT	PVD1	59-60	2	12		60	VGCE	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH TÌNH	PVD1	47	1	5		65	PVD	Vietnamese
12	PHẠM HỮU MẠNH	PVD1	49	1	5		70	PVD	Vietnamese
13	TRẦN THANH TUYẾN	PVD1	45	1	5		59	PVD	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	PVD1	55	1	4		65	PVD	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC TRIỆU	PVD1	48	1	5		72	PVD	Vietnamese
16	MẠI MINH TUẤN	PVD1	54	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	PHAN VĂN MẠNH	PVD1	50	1	5		70	PVD	Vietnamese
18	ĐẶNG MINH SƠN	PVD1	56	1	10		72	PVD-BH	Vietnamese
19	TRAN THUƠNG VŨ	PVD1	53	1	5		90	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

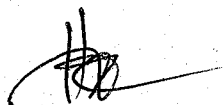
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	6	10	70	438	0	0		
2	PVD1	13	16	94	953	0	13		
3	PVD6	0	0	0	0	40	9		
TOTAL		19	26	164	1.391	40	22		
WEIGHT KG				164	1.391	40			

GRAND TOAL: 1.595 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2022	TO: TD5 - PVD1 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Mạnh - Toàn	ETA: 11:20
XANH-2			

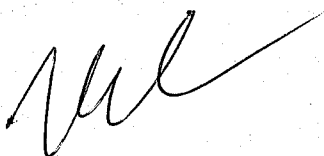
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐÌNH SINH	TD5	78	1	5		75	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN MẠNH	TD5	72	1	5		70	DVL	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN THAI	TD5	71	1	12		65	DVL	Vietnamese
4	LÝ NHẬT TRƯỞNG	TD5	73	1	5		67	DVL	Vietnamese
5	PHẠM QUANG TRUNG	TD5	77	1	5		80	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	TD5	62	1	5		65	DVL	Vietnamese
7	LUƠNG MẠNH HẢI	TD5	75	1	5		75	DVL	Vietnamese
8	PHẠM TÙNG VỸ	TD5	74	1	5		70	DVL	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HUNG	TD5	70	1	5		70	DVL	Vietnamese
10	HUỖNH VŨ TÍNH	TD5	64	1	5		65	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD5	63	1	5		65	DVL	Vietnamese
12	VUÔNG KIẾN QUỐC	TD5	76	1	5		80	DVL	Vietnamese
13	DẶNG QUỐC ĐẠT	TD5	65-66	2	10		75	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD5	68-69	2	14		65	DVL	Vietnamese
15	ĐẶNG TRỌNG THỨC	TD5	67	1	10		70	DVL	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC TUẤN	TD5	61	1	7		65	PSV	Vietnamese
17	TÔNG VĂN THÈ	PVD1	73-74	2	18		75	SCHLUMBE	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	PVD1	61-62	2	10		60	SCHLUMBE	Vietnamese
19	PHẠM HOÀNG HÙNG	RP2	79	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG TUẤN CƯỜNG	RP2	77-78	2	15	55	75	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ HOÀNG QUAN	RP2	83	1	6		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	18	108	1.122	0	4		
2	PVD1	2	4	28	135	0	12		
3	RP2	3	4	33	220	55	6		
TOTAL		21	26	169	1.477	55	22		
WEIGHT KG				169	1.477	55			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

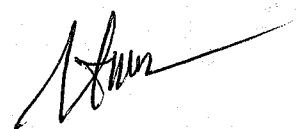
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: PPD - MRM - AMD	CREW: Phong - MTHAO - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

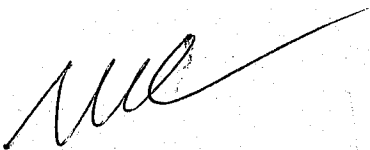
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG AN	PPD	49	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM MINH VŨ	PPD	02	1	15		77	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH CUÔNG	PPD	48	1	12	22	76	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ MẠNH HÙNG	PPD	03-04	2	12	40	61	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM TÙNG DƯƠNG	PPD	01,50	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LOGANOV VITALII	MRM	72	1	15		92	AMNGR	Russian
7	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	41,97	2	15		108	AMNGR	Russian
8	DEREVIANKO NIKOLAI	MRM	39-40	2	15		90	AMNGR	Russian
9	DƯƠNG VIỆT DUNG	MRM	77	1	9		49	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN ANH	MRM	34	1	15		80	PSV	Vietnamese
11	LÊ VĂN HUY	MRM	33	1	10		66	HONG HA	Vietnamese
12	HỒ TRỊ	MRM	75-76	2	12		56	HONG HA	Vietnamese
13	TRẦN LÂM THỌ	MRM	99	1	6		55	HONG HA	Vietnamese
14	PHAN HUY CHUÔNG	MRM	74	1	7		65	HONG HA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	7	66	354	62	8		
2	MRM	9	12	104	661	0	7		
3	AMD	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		14	19	170	1.015	62	20		
WEIGHT KG				170	1.015	62			

GRAND TOAL: 1.247 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PVD2 - TD5 - MRM	CREW: TTrung - N.Anh - THU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DANH PHONG	PVD2	43-44	2	16		78	PVD-DD	Vietnamese
2	HOANG NHAT MINH	PVD2	19	1	5		71	PVD-DD	Vietnamese
3	NGUYEN QUY CUONG	PVD2	30-31	2	16		76	PVD-DD	Vietnamese
4	TU DUONG VAN	PVD2	23-24	2	20		80	PVD-DD	Vietnamese
5	TRINH HUU KIEN	PVD2	41-42	2	11		74	PVD-DD	Vietnamese
6	TO HONG DUC	PVD2	35-36	2	17		81	INTERNA	Vietnamese
7	NGO QUY THINH	PVD2	37-38	2	13		100	PVDO	Vietnamese
8	BUI KIM DAT	PVD2	18	1	5		70	PVDO	Vietnamese
9	HO SI PHUNG	PVD2	26	1	5		69	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN PHUNG QUE	PVD2	29	1	5		74	PVDO	Vietnamese
11	NGO VAN TIEN	PVD2	20	1	5		53	PVDO	Vietnamese
12	LE QUANG HUNG	PVD2	39-40	2	14		60	PVDO	Vietnamese
13	DAM NGOC TUAN ANH	PVD2	33-34	2	10		65	PSV	Vietnamese
14	PHAM CONG BANG	PVD2	47-48	2	10		52	PVDWS	Vietnamese
15	DINH QUANG HUY	PVD2	50	1	10		61	PVDWS	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DUAN	PVD2	49	1	10		70	PVDWS	Vietnamese
17	HO SY MINH	PVD2	32	1	15	42	62	PVDTECH	Vietnamese
18	CAO BA HA	PVD2	21-22	2	13		55	PVDTECH	Vietnamese
19	LE KHAC QUAN	PVD2	27-28	2	13		52	PVDTECH	Vietnamese
20	TRAN QUOC VIET	PVD2	25	1	7		65	PVDTECH	Vietnamese
21	NGUYEN CAO TRIEU	PVD2	45-46	2	14		67	PVD LOG	Vietnamese
22	TRAN VU HOAI PHONG	PVD2	51-52	2	13		63	PVD LOG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	35	247	1.498	42	20		
2	TD5	0	0	0	0	0	1		
3	MRM	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	35	247	1.498	42	22		
WEIGHT KG				247	1.498	42			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN